

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

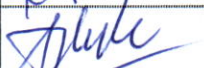
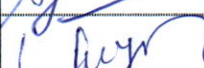
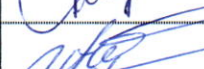
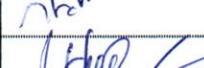
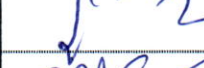
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K6, TẠI HUYỆN KRÔNG NĂNG, KHÓA HỌC 2023-2025

NỘP BÀI THU HOẠCH THỰC TẾ CUỐI KHOÁ

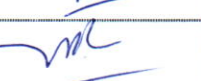
Ngày nộp: Ngày 13...tháng 6...năm 2024

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
01	Hoàng Thị	Anh	03/5/1990	01		8,25	Tạm, học năm
02	Võ Tá	Bá	16/4/1985	01		8,0	Tạm
03	Phạm Đức	Bùi	11/12/1985	01		8,5	Tạm, năm
04	Bùi Thị Kim	Chi	19/02/1989	01		8,0	Tạm
05	Nguyễn Quang	Chiến	17/11/1976	01		9,5	Chín, năm
06	Hoàng Thị	Chuyên	23/02/1985	01		8,0	Tạm
07	Nguyễn Mạnh	Cường	19/8/1977	01		6,5	Sáu, năm
08	Hoàng Thị	Đậm	04/10/1983	01		8,5	Tạm, năm
09	Trần Thị Bích	Diệp	09/10/1982	01		8,25	Tạm, hai năm
10	Đinh Xuân	Đức	06/01/1988	01		8,25	Tạm, hai năm
11	Phan Công	Dương	06/02/1986	01		8,5	Tạm, năm
12	Nguyễn Thị	Gái	10/6/1991	01		8,5	Tạm, năm
13	Hà Thị	Giang	14/10/1980	01		8,0	Tạm
14	Bùi Thị Huỳnh	Hà	03/9/1979	01		8,0	Tạm
15	Đinh Thị	Hà	06/01/1989	01		8,25	Tạm, hai năm
16	Hồ Đăng	Hải	12/10/1982	01		8,5	Tạm, năm
17	Nguyễn Thị	Hằng	15/02/1982	01		8,0	Tạm
18	Phạm Thị	Hằng	15/3/1974	01		8,0	Tạm
19	Lý Văn	Hạp	06/8/1988	01		8,0	Tạm
20	Trần Văn	Hiên	01/10/1983	01		7,5	Sáu, năm
21	Ngô Thị Ngọc	Hòa	10/4/1989	01		8,25	Tạm, hai năm



Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
22	Phạm Thị Thu Hồng	20/01/1980	01		8,25	Tám, hai năm
23	Vì Thị Hồng	20/3/1987	01		8,0	Tám
24	Đinh Thị Hồng	26/10/1991	01		8,5	Tám, năm
25	Nguyễn Thị Huê	01/7/1986	01		7,5	Bảy, năm
26	Trần Tấn Hùng	20/7/1986	01		7,5	Bảy, năm
27	Nguyễn Thị Hương	05/01/1985	01		8,0	Tám
28	Đoàn Thị Hương	18/12/1983	01		8,0	Tám
29	Cao Thị Thu Hương	03/10/1984	01		8,0	Tám
30	Phạm Ngọc Hữu	26/3/1979	01		8,25	Tám, hai năm
31	Phùng Thị Huyền	11/7/1986	01		8,25	Tám, hai năm
32	Y Sơ Wel Kbuôr	15/10/1980	01		7,75	Bảy, bảy năm
33	Trương Đình Khánh	16/10/1989	01		8,0	Tám
34	Bế Đình Khu	05/10/1973	01		8,25	Tám, hai năm
35	Vũ Thị Lan	04/10/1982	01		9,5	Chín, năm
36	Triệu Văn Liêm	11/12/1987	01		8,0	Tám
37	Trần Thị Thùy Linh	05/3/1987	01		8,0	Tám
38	Nguyễn Thị Mai	21/12/1985	01		8,0	Tám
39	Nguyễn Thị Nga	23/01/1980	01		7,5	Bảy, năm
40	Đinh Thị Thúy Ngân	10/12/1989	01		7,5	Bảy, năm
41	Huỳnh Văn Ngọc	18/6/1974	01		8,25	Tám, hai năm
42	Lương Thị Ngọc	13/8/1986	01		8,0	Tám
43	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/10/1983	01		8,0	Tám
44	Lương Thị Nhung	30/4/1982	01		8,0	Tám
45	Nguyễn Thị Nhung	09/9/1985	01		8,0	Tám
46	Lê Thị Nhung	18/12/1986	01		8,5	Tám, năm
47	H Riêng Niê	21/01/1987	01		8,0	Tám
48	Nguyễn Thị Hồng Oanh	19/10/1988	01		9,5	Chín, năm

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
49	Trương Văn	Phúc	26/11/1985	01		80	Tám
50	Hoàng Bá	Quân	13/01/1977	01		80	Tám
51	Mai Vinh	Quang	08/11/1979	01		85	Tám, năm
52	Lưu Anh	Quyên	04/10/1976	01		775	Bảy, bảy năm
53	Nguyễn Thị	Quyên	05/07/1988	01		80	Tám
54	Đỗ Lâm	Son	25/11/1978	01		90	Chín
55	Nguyễn Thị	Tâm	16/02/1988	01		85	Tám, năm
56	Đặng Văn	Thắng	03/11/1984	01		75	Bảy, năm
57	Trần Văn	Thắng	09/7/1980	01		80	Tám
58	Hoàng Thị	Thanh	27/12/1984	01		825	Tám, hai năm
59	Nguyễn Thị Hoài	Thanh	31/10/1977	Nghỉ học và bảo lưu KQ học tập (QĐ bảo lưu số 289 - ngày 29/5/2024)			
60	Lê Thị Hoài	Thanh	12/5/1977	01		85	Tám, năm
61	Nguyễn Văn	Thiều	01/7/1978	01		825	Tám, hai năm
62	Đặng Xuân	Thịnh	21/3/1988	01		775	Bảy, bảy năm
63	Võ Thị Kim	Thoa	11/7/1981	01		80	Tám
64	Nguyễn Thị	Thom	12/09/1988	01		85	Tám, năm
65	Lê Thị Bích	Thuận	02/10/1990	01		775	Bảy, bảy năm
66	Hoàng Thị Kim	Thùy	15/6/1986	01		80	Tám
67	Phan Thị	Thùy	27/7/1984	01		85	Tám, năm
68	Bùi Thị Phương	Thùy	07/3/1983	01		80	Tám
69	Lê Thị	Thùy	15/9/1983	01		80	Tám
70	Hoàng Văn	Thuyết	12/6/1984	01		85	Tám, năm
71	Trần Đức	Tiến	05/02/1986	01		80	Tám
72	Trần Văn	Tiến	15/08/1985	01		80	Tám
73	Phạm Đình	Tú	23/6/1987	01		775	Bảy, bảy năm
74	Phạm Văn	Tư	06/12/1984	01		85	Tám, năm
75	Đặng Thị	Tuyền	08/9/1986	01		825	Tám, hai năm

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số cuốn	Ký nộp bài	Điểm số	Điểm chữ
76	Hoàng Ngọc Ty	10/01/1978	01		95	Chín, năm
77	Nguyễn Đức Vui	10/7/1989	01		80	Tám
78	Phạm Thị Vui	22/02/1990	01		82,5	Tám, hai năm
79	Lý Thị Xuân	01/4/1985	01		82,5	Tám, hai năm

Tổng số: 78 cuốn/.....78.....học viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO ĐIỂM



phạm văn Dương

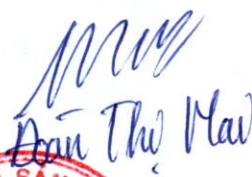
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH



TS. Lê Duyên Hà

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM



BAN GIÁM HIỆU



Nguyễn Thành Dũng

